

Bản án số: 21/2022/HN- ST  
Ngày 14/3/2022  
V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mai Thị Nhặc

Bà Đoàn Lệ Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **14** tháng **3** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST-HN ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32A/2022/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa:

\* **Nguyên đơn:** Lê Thị N, sinh 1992 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Trú tại:* Ấp Phú Lộc T, xã An Định huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

\* **Bị đơn:**

Dương Hải D, sinh 1984 (vắng mặt không có lý do)

*Trú tại:* Ấp An Nhơn 2, xã Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị N trình bày:*

Vào năm 2019 chị và anh D đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay chị N xin ly hôn với anh D.

Quá trình sống chung vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu phân chia 04 chỉ vàng 24k, nhưng chị N có đơn xin rút lại yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Dương Hải D vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### **\* Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị N cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị N là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

#### **\* Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Chị N, anh D kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị N vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh D đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh D không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Không có, nên không xem xét

[3] Tài sản chung: Chị N xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản 04 chỉ vàng 24k để vợ chồng tự thỏa thuận, nên cần phải đình chỉ.

[4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Dương Hải D.

Về con chung: Không có, nên không xem xét.

Tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản 04 chỉ vàng 24k do chị N đã rút yêu cầu.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

*Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị N chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005627 ngày 24/01/2022 là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam(1b);
- UBND xã An Định (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
đã ký